Số: 4230870

	TOWNER V2.5-2S	THACO Linker T2-5.0 - Thùng mui bạt - Tôn kẽm
Giá niêm yết:	**250.000.000đ**	**420.300.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	4.200 x 1.690 x 2.000 mm	5.545 x 2.050 x 2.910 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	2.330 x 1.505 x 1.340 mm (~4,7 m^3)	3.620 x 1.900 x 685/1.900 mm (13,07 m^3)
Chiều dài cơ sở	2.700 mm	2.800 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.450 / 1.455 mm	1.490/ 1.535 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.165 kg	2.765 kg
Khối lượng chở cho phép	945 kg	1.990 kg
Khối lượng toàn bộ	2.240 kg	4.950 kg
Số chỗ ngồi	2 chỗ	3 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	DONGFENG DK13C	WEICHAI - WP2.3Q110E50
Loại động cơ	Xăng, 4 kỳ, 4 xy lanh thẳng hàng	Diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	1.293 cc	2.289 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	93 / 6.000 Ps/(vòng/phút)	110/ 3.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	125 / 4.000 – 4.800 N.m/(vòng/phút)	280/ 1.600 ~ 2.400 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	MR513, 5 số tiến, 1 số lùi	Cơ khí, 5 số tiến và 1 số lùi
Tỷ số truyền	ih1=3,769; ih2=2,175; ih3=1,339; ih4=1,000; ih5 =0,808; iR=4,128	ih1=5,595; ih2=2,848; ih3=1,538; ih4=1,000; ih5=0,794; iR=5,347
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD	Tang trống, Thủy lực, 2 dòng, trợ lực chân không, có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	175/70R14	6.50R16
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	≥ 20%	33,2 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,75 m	5,94 m
Tốc độ tối đa	120 km/h	96 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	43 lít	80 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Bánh răng – Thanh răng, cơ khí, trợ lực điện	Trục vít – Êcu bi, trợ lực thủy lực